TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2024/HN-ST
Ngày: 08/7/2024
V/v "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Bà Võ Thị Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 84/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/3/2024 về việc "*Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Bích N, sinh năm 1992 (xin vắng mặt).
  HKTT: Ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.
  Chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.
- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh Đ, sinh năm 1989 (vắng mặt).
  Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/02/2024, trong quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 03/4/2024, chị Huỳnh Thị Bích N trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Phan Thanh Đ cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 14/02/2010, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến khoảng đầu năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không chung thủy với chị nên chị đã nộp đơn xin ly hôn từ năm 2018 nhưng vì thương con và

muốn cho anh Đ thêm cơ hội thay đổi nên chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì anh Đ vẫn không thay đổi được tính tình nên chị mới nộp đơn xin ly hôn trở lại và hiện nay chị với anh Đ cũng đã sống ly thân. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh Đ nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh Đ.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh Đ có 01 con chung tên là Phan Ngọc Đông P, sinh ngày 16/4/2011 hiện đang sống với anh Đ. Nay ly hôn, chị xin để cháu P cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024 của Tòa án, anh Phan Thanh Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Hiện nay anh vẫn còn tỉnh cảm vợ chồng với chị Huỳnh Thị Bích N nên mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng với nhau để cùng nuôi con nên anh xin thời gian 02 tháng để khuyên chị N. Trường hợp anh không thể khuyên thì anh sẽ đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phan Ngọc Đông P, sinh ngày 16/4/2011 hiện đang sống với anh. Nếu vợ chồng anh không hàn gắn được thì anh đồng ý tiếp tục nuôi cháu P và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích N đối với anh Phan Thanh Đ. Về con chung: Để cháu Phan Ngọc Đông P, sinh ngày 16/4/2011 cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận anh Đ tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụ tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Bích N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh Phan Thanh Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N, anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Bích N và anh Phan Thanh Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh Đ chỉ sống hạnh phúc đến năm 2018 thì chị N với anh Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Đ nhậu nhẹt và có quan hệ với người phụ nữ khác, do không giải quyết được mâu thuẫn nên chị N đã nộp đơn xin ly hôn vào năm 2018 nhưng đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi rút đơn thì anh Đ vẫn không thay đổi được nên tiếp tục xảy ra mâu thuẫn rồi sống ly thân đến nay. Trong suốt quá trình tố tụng và tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh Đ và vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Mặt khác, tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024 của Tòa án, anh Đ cũng thể hiện ý kiến xin thời gian 02 tháng để hàn gắn nhưng đến nay đã hơn 02 tháng mà anh chị vẫn không hàn gắn được. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh Đ là có căn cứ phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Cháu Phan Ngọc Đông P, sinh ngày 16/4/2011; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị N và anh Đ sống ly thân, cháu P vẫn do anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, tại biên bản lấy ý kiến ngày 05/4/2024 của Tòa án, cháu P cũng có nguyện vọng sống với cha. Đồng thời, trong quá trình tố tụng cũng như đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị N cũng xin để cháu P cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và tại biên bản lấy lời khai ngày 05/4/2024, anh Đ cũng đồng ý trực tiếp nuôi cháu P nên Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết để cháu P cho anh Đ tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhâ gia đình. Anh Đ không có yêu cầu cấp dưỡng và chị N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ có quyền khởi kiện để yêu cầu cấp dưỡng nuôi con bằng một vụ kiện khác khi cần thiết.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị Bích N có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Thị Bích N đối với anh Phan Thanh Đ.

2. Về con chung: Anh Phan Thanh Đ có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Ngọc Đông P, sinh ngày 16/4/2011. Anh Đ không có yêu cầu cấp dưỡng và chị N cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị N có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Huỳnh Thị Bích N có nghĩa vụ phải nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004107 ngày 22/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị N đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Huỳnh Thị Bích N, anh Phan Thanh Đ biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ